Vietnam Journal of Community Medicine, Vol 62, No 7 (2021) 194-199

CURRENT SITUATION OF NUTRITIONAL CARE IN CHILDREN UNDER 6 MONTHS OF AGE AT VIETNAM NATIONAL CHILDREN'S HOSPITAL IN 2020

Do Manh Hung*, Luu Thi My Thuc, Nguyen Thi Kim Oanh, Bui Thi Mai Khanh, Pham Van Tuan

Vietnam National Children Hospital - 18/879 La Thanh, Lang Thuong, Dong Da, Hanoi, Vietnam

Received 25/08/2021
Revised 14/10/2021; Accepted 10/11/2021

ABSTRACT

Objectives: To describe epidemiological characteristics, methods of care, the level of physical development of children under 6 months of age to come to the National Children Hospital clinic in 2020.

Subject: Mothers and children <6 months old to the first visit at National Children Hospital from January 2020 to December 2020.

Research methodology: Cross-sectional description.

Results and conclusions: 18.7% of infants were exclusively breastfed for the first 6 months, 45.6% of infants were given early solids. 48.6% of children use formula milk because mothers did not have enough milk, 30.6% because mothers had to go to work early. 98.9% of mothers and grandmothers prepare baby food, however 58.3% did not follow the proper methods. 52.9% of babies were breastfed <1 hour after delivery, 41.0% of mothers knew how to breastfeed properly.

Keywords: Nutritional care, children under 6 months.

*Corressponding author
Email address: hungdm.nip@gmail.com
Phone number: (+84) 913 304 075
https://doi.org/10.52163/yhc.v62i7.229

THỰC TRẠNG CHĂM SÓC DINH DƯỠNG Ở TRẺ DƯỚI 6 THÁNG TUỔI TẠI BỆNH VIỆN NHI TRUNG ƯƠNG, NĂM 2020

Đỗ Mạnh Hùng*, Lưu Thị Mỹ Thục, Nguyễn Thị Kim Oanh, Bùi Thị Mai Khanh, Phạm Văn Tuấn

Bệnh viện Nhi Trung ương - 18/879 La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 25 tháng 08 năm 2021
Chỉnh sửa ngày: 14 tháng 10 năm 2021; Ngày duyệt đăng: 10 tháng 11 năm 2021

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm dịch tễ học, phương pháp chăm sóc, mức độ phát triển thể chất của trẻ dưới 6 tháng tuổi đến khám tại phòng khám dinh dưỡng Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2020.

Đối tượng: Bà mẹ và trẻ <6 tháng tuổi đến khám lần đầu tại Bệnh viện Nhi Trung ương từ tháng 1/2020 đến 12/2020.

Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Kết quả và kết luận: 18,7% trẻ được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu, 45,6% trẻ ăn dặm sớm. 48,6% trẻ sử dụng sữa công thức là do mẹ không đủ sữa, 30,6% do mẹ phải đi làm sớm. 98,9% mẹ và bà là người chế biến đồ ăn dặm cho trẻ, tuy nhiên 58,3% chế biến chưa đúng phương pháp. 52,9% trẻ được bú <1 giờ sau đẻ, 41,0% bà mẹ biết cho bú đúng cách.

Từ khóa: Chăm sóc dinh dưỡng, trẻ dưới 6 tháng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dinh dưỡng vô cùng quan trọng đối với cuộc sống của mỗi người đặc biệt là trẻ em. Với trẻ nhỏ, sữa mẹ là một phần không thể thiếu, nhất là 6 tháng đầu sau sinh [1],[2]. Tuy nhiên không phải ai cũng hiểu được những giá trị mà sữa mẹ mang lại cũng như biết cho ăn ăn đúng cách. Với sự phát triển kinh tế xã hội hiện nay, các bà mẹ thường phải đi làm từ sớm hay chương trình quảng cáo về các loại sữa thay thế khiến cho trẻ không được bú mẹ hoàn toàn. Từ đó ảnh hưởng không nhỏ tới tình trạng dinh dưỡng của trẻ. Để tìm hiểu kỹ hơn nhằm phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị dinh dưỡng, chúng tôi thực hiện nghiên cứu nhằm mục tiêu: "Mô tả đặc điểm dịch tễ học, phương pháp chăm sóc, mức độ phát triển thể chất của trẻ dưới 6 tháng tuổi đến khám tại phòng khám dinh dưỡng Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2020".

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

Bà mẹ và trẻ <6 tháng tuổi đến khám lần đầu tại Bệnh

*Tác giả liên hệ
Email: hungdm.nip@gmail.com
Điện thoại: (+84) 913 304 075
https://doi.org/10.52163/yhc.v62i7.229

viện Nhi Trung ương từ tháng 1/2020 đến 12/2020.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Mô tả cắt ngang.

2.2.2. Cỡ mẫu và chọn mẫu nghiên cứu

Tính theo công thức cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ:

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Cỡ mẫu nhóm trẻ cần khảo sát: n là cỡ mẫu tối thiểu cần điều tra, α là ý nghĩa thống kê, ở mức α = 0,05 giá trị Z tương ứng là 1,96. p = 0,5 để đạt cỡ mẫu lớn nhất. d là sai số mong đợi, lấy d = 0,05. Thay vào công thức tính được n = 384 trẻ.

Phương pháp chọn mẫu thuận tiện đến khi đủ số mẫu cần nghiên cứu.

2.2.3. Phương pháp thu thập thông tin

Phỏng vấn trực tiếp các bà mẹ qua phiếu điều tra và khám lâm sàng trẻ

2.2.4. Xử lý số liệu

Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thông qua nghiên cứu 384 trẻ, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Số lượng (n=384)	Tỷ lệ %
Con đầu lòng	241	62,8
Đẻ thường	233	60,7
Đủ tháng	356	92,7
Đủ cân	348	90,6
Trẻ nam	204	53,1
Trẻ nữ	180	46,9

Kết quả bảng 3.1 cho thấy trên 60% trẻ là con đầu lòng và được đẻ thường; trên 90% trẻ đủ cân đủ tháng. Trẻ có giới tính nam nhiều hơn so với nữ (53,1% so với 46,8%).

Bảng 3.2. Lý do đến khám của đối tượng nghiên cứu

Lý do đến khám	Số lượng (n=384)	Tỷ lệ %
Nôn trớ	28	7,3
Vặn mình khó ngủ	21	5,5
Biếng ăn	122	31,8
Chậm lên cân	102	26,6
Bệnh lý cấp tính	116	30,2

Các trẻ được đưa đi khám vì nhiều lý do, trong đó chiếm tỷ lệ cao nhất là biếng ăn với 31,8%, thấp hơn là bệnh lý cấp tính 30,2%, chậm lên cân 26,6%.

Bảng 3.3. Phương pháp nuôi dưỡng trẻ

Phương pháp nuôi dưỡng	Số lượng (n=384)	Tỷ lệ %
Sữa mẹ	72	18,7
Sữa công thức	53	13,8
Sữa mẹ + Sữa công thức	84	21,9
Sữa + Ăn dặm	175	45,6

Tỷ lệ bà mẹ cho con ăn sữa mẹ trong 6 tháng đầu tương đối thấp với 18,7%. Tỷ lệ ăn dặm sớm tương đối cao với 45,6%, sử dụng cả sữa mẹ và sữa công thức là 21,9%.

Bảng 3.4. Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ %
Thời điểm dùng	Sau đẻ <1 giờ	203	52,9
	Sau đẻ ≥1 giờ	181	47,1
Phương thức cho bú	Bú cạn 1 bên	196	41,0
	Bú đều 2 bên	125	32,6
	Bú không hết 1 bên	63	16,4

Kết quả bảng 3.4 cho thấy có 52,9% bà mẹ cho con bú <1 giờ sau đẻ. Có 41,0% bà mẹ biết nên cho bú cạn 1 bên, tuy nhiên vẫn còn 32,6% bà mẹ cho bú đều 2 bên;16,4% bú không hết.

Bảng 3.5. Thực trạng nuôi con bằng sữa công thức

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ %
Thời điểm dùng	Trẻ <1 tháng	48	66,7
	Trẻ 1 - <4 tháng	22	30,5
	Trẻ 4 - <6 tháng	2	2,8
Lý do nuôi	Mẹ không đủ sữa	35	48,6
	Mẹ phải đi làm sớm	22	30,6
	Khác	13	18,0
	Ý kiến gia đình	2	2,8

Bảng 3.5 cho thấy trong số các trẻ ăn sữa công thức, 2/3 số trẻ được cho ăn từ <1 tháng, một phần lý do ở đây là do bà mẹ không đủ sữa (48,6%) và phải đi làm sớm (30,6%).

Bảng 3.6. Thực trạng ăn bổ sung của trẻ

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ %
Thời điểm dùng	Trẻ 3 - <4 tháng	118	67,4
	Trẻ 4 - <6 tháng	57	32,6
Người chế biến	Mẹ	157	89,7
	Bà	16	9,2
	Khác	2	1,1
Phương pháp chế biến	Đúng cách	73	41,7
	Không đúng	102	58,3

Trong số các trẻ được ăn dặm thì 67,4% ăn trong khoảng 3-4 tháng tuổi. 32,6% ăn trong khoảng 4-6 tháng tuổi, những trẻ này chưa tuân thủ theo khuyến cáo ăn dặm từ trên 6 tháng hiện nay.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy trên 60% trẻ là con đầu lòng và được đẻ thường; trên 90% trẻ đủ cân đủ tháng. Trẻ có giới tính nam nhiều hơn so với nữ (53,1% so với 46,8%). Kết quả này phù hợp với nhiều nghiên cứu trong nước khác của Trần Thị Hoài Phương [1], Nguyễn Thị Lâm [2] và Trần Thị Thanh Tâm [3].

Các trẻ được đưa đi khám vì nhiều lý do, trong đó chiếm tỷ lệ cao nhất là biếng ăn với 31,8%, thấp hơn là bệnh lý cấp tính 30,2%, chậm lên cân 26,6%. Trần Thị Hoài Phương nghiên cứu tại Bệnh viện Nhi đồng 2 và Dewey trong nghiên cứu về tác dụng của sữa mẹ trên trẻ sơ sinh [4] cũng cho tỷ lệ tương đồng với nghiên cứu của chúng tôi [1]. Có thể thấy, đây là những lý do phổ biến ở trẻ nói chung, không phụ thuộc vùng miền.

Tỷ lệ bà mẹ cho con ăn sữa mẹ trong 6 tháng đầu tương đối thấp với 18,7%. Kết quả này trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với Trần Thị Hoài Phương (17,9%) và kết quả của UNICEF (17,0%). Chúng tôi cho rằng do sự khác biệt về khoảng thời gian nghiên cứu cũng như địa dư. Hiện nay, với sự giúp đỡ của truyền thông, các bà mẹ đã biết nhiều hơn về lợi ích của sữa mẹ.

Tỷ lệ ăn dặm sớm tương đối cao với 45,6%, sử dụng cả sữa mẹ và sữa công thức là 21,9%. Việc cho trẻ ăn những nguồn thức ăn ngoài sữa mẹ trong 6 tháng đầu là không được khuyến cáo. Tuy nhiên, có nhiều lý do dẫn đến điều đó, có thể do các bà mẹ không đủ sữa hoặc do phải đi làm sớm, không đủ khả năng để duy trì liên tục sữa mẹ cho con.

Nghiên cứu cho thấy có 52,9% bà mẹ cho con bú <1 giờ sau đẻ. Con số này cao hơn so với 9 năm trước đây là 46,0% [1]. Chúng tôi cho rằng đây là kết quả của truyền thông tốt về lợi ích của sữa non. Có 41,0% bà mẹ biết nên cho bú cạn 1 bên, tuy nhiên vẫn còn 32,6% bà mẹ cho bú đều 2 bên và 16,4% bú không hết. Bú không đúng cách có thể để lại nhiều tác hại không tốt cho bà mẹ. Đây là một vấn đề mà truyền thông y tế cần quan tâm hơn nữa.

Trong số các trẻ ăn sữa công thức, 2/3 số trẻ được cho ăn từ <1 tháng, một phần lý do ở đây là do bà mẹ không đủ sữa (48,6%) và phải đi làm sớm (30,6%). So sánh với nghiên cứu của Trần Thị Hoài Phương, kết quả của chúng tôi cho ra tỷ lệ khác biệt. Trần Thị Hoài Phương ghi nhận tỷ lệ ăn sữa công thức trong tháng đầu tiên là 72,0%, bà mẹ không đủ sữa là 44,0% và bà mẹ đi làm sớm là 19,0% [1].

Đối với nhóm trẻ được ăn dặm thì 67,4% ăn trong khoảng 3-4 tháng tuổi. 32,6% ăn trong khoảng 4-6 tháng tuổi, những trẻ này chưa tuân thủ theo khuyến cáo ăn dặm từ trên 6 tháng hiện nay. Có thể lý giải bởi ảnh hưởng của yếu tố thiếu sữa của mẹ và việc các bà mẹ phải đi làm sớm do đó không có điều kiện cho ăn ăn theo hướng dẫn. Thực ăn cho trẻ đa phần do mẹ và bà chế biến tuy nhiên có tới 58,3% chế biến không đúng cách, không đủ 4 nhóm thực phẩm, tỷ lệ các chất chưa cân đối hoặc mua thức ăn chế biến sẵn.

5. KẾT LUẬN

18,7% trẻ được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu, 45,6% trẻ ăn dặm sớm. 48,6% trẻ sử dụng sữa công thức là do mẹ không đủ sữa, 30,6% do mẹ phải đi làm sớm. 98,9% mẹ và bà là người chế biến đồ ăn dặm cho trẻ, tuy nhiên 58,3% chế biến chưa đúng phương pháp. 52,9% trẻ được bú <1 giờ sau đẻ, 41,0% bà mẹ biết cho bú đúng cách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Phuong TTH, Hoang NTK, Thu NTK et al., A survey on nutritional care for chidlren under 6 months examined at Nutritional department, Children's Hospital II in 2008 – 2009. Journal of Nutrition and Food Sciences, 2010; 6(1): 60-65.

[2] Lam NT, Nutritional care for children under 2 years old: A survey by the National Institute of Nutrition, 2006.

[3] Tam TTT, Breast feeding: A lecture on pediatrics, Hanoi Medical Publishing house, 2004; p. 94 – 110.

[4] Dewey KG, Nutrion, growth and complementary feeding of the breastfed infant. Pediatr Clin North Am, 2001; 48:87-104.

[5] Dewey KG, Heinig MJ, Nommsen LA et al., Growth of breast-fed and fomula-fed infants from 0-18 months: the darling study. Pediatrics, 1992; 89:1035-1041.

[6] Garza C, Butte NB, Goldman AS, Human milk and Infant formula: Textbook of Pediatric Nutrion 2nd ed, 2004; p. 33-42.

[7] Britton H, Mother-Infrant interaction relationship to early infant nutrion and feeding. Textbook of Pediatric Nutrion. 2nd ed, 2004; p. 43-48.